

BÁO CÁO

Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 18/3/2002 Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

Thực hiện Công văn số 6274/UBND-TH₃, ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng “V/v tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW”; Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông báo cáo kết quả triển khai thực hiện như sau:

Phần I

**BỐI CẢNH VÀ TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW**

**I. BỐI CẢNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
SỐ 13-NQ/TW**

Qua 17 năm thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-TW, ngày 18/03/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX; Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân phát huy nội lực, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và mạnh dạn chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng các mô hình kinh tế, triển khai có hiệu quả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân của giai đoạn 2016 - 2020 đạt 12,1%/năm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế rõ nét và đúng hướng, mà trọng tâm là phát triển nông nghiệp từng bước ứng dụng công nghệ cao.

Xác định nông nghiệp là ngành kinh tế chủ lực của huyện, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo đầu tư phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực và có lợi thế; triển khai hiệu quả các đề án lớn: Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Đề án phát triển đàn bò thịt, kế hoạch phát triển dâu tằm, kế hoạch phát triển nông nghiệp áp dụng công nghệ cao,... Song song với đó là quan tâm ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp; đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, hỗ trợ chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi, nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả; khuyến khích phát triển nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, phát triển trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp.

**II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ
QUYẾT.**

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 18/7/2002 của Tỉnh ủy Lâm Đồng “Về chương trình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 18/3/2002 Hội

ng nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” và Kế hoạch số 3234/KH-UBND, ngày 01/10/2002 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 18/7/2002 của Tỉnh ủy. Trong những năm qua, huyện Đam Rông đã triển khai thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Phát triển hợp tác xã gắn với nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lồng ghép với các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội theo vùng, ngành và lĩnh vực, tranh thủ mọi điều kiện thuận lợi trong xu thế hội nhập kinh tế quốc dân. Quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện để các HTX sản xuất nông nghiệp tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm, trưng bày và tiêu thụ sản phẩm.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các hợp tác xã mở rộng quy mô sản xuất, thông qua các mô hình, chương trình bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý hợp tác xã, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ cho các hợp tác xã và bà con xã viên.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phát triển KTTT; trọng tâm là Luật Hợp tác xã; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Quyết định số 2261/QĐ-TTg, ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020.

Phần II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW

1. Về thống nhất nhận thức trong quan điểm phát triển KTTT

Thống nhất nhận thức về các quan điểm phát triển KTTT, hợp tác xã là nhiệm vụ hàng đầu được nêu trong Nghị quyết; đã được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác quán triệt, tuyên truyền về đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về KTTT đến cán bộ, đảng viên. Qua đó, nhận thức các quan điểm phát triển KTTT của các cấp ủy đảng, chính quyền đã có sự chuyển biến tích cực. Từ chỗ chưa nhận thức đầy đủ, thống nhất về bản chất của tổ chức HTX đến nay đã từng bước hiểu rõ bản chất hợp tác xã là phục vụ và đem lại lợi ích thành viên, thấy được vai trò, vị trí, tính tất yếu khách quan của KTTT, hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết đã tác động tích cực đến tâm lý xã hội, xóa dần những mặc cảm do mô hình hợp tác xã kiểu cũ để lại, nhận thức của nhân dân về mô hình hợp tác xã kiểu mới theo Luật hợp tác xã năm 2012 được nâng cao. Cán bộ, đảng viên và nhân dân đã thấy được sự cần thiết của mô hình KTTT, hợp tác xã trong việc tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Thành viên, người lao động trong hợp tác xã nhận thức rõ hơn về các nguyên tắc hoạt động trong hợp tác xã, bình

đăng, cùng có lợi và quản lý dân chủ của hợp tác xã, về vai trò của hợp tác xã đối với nhu cầu sản xuất kinh doanh và đời sống của thành viên. Người dân tin tưởng hơn vào đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển KTTT.

2. Về xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận tiện cho KTTT phát triển

Luật Hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực từ 01/7/2013 trên cơ sở khắc phục các hạn chế của Luật Hợp tác xã năm 2003, tiếp thu kinh nghiệm phổ biến quốc tế và phù hợp với xu hướng mới phát triển hợp tác xã, quy định rõ bản chất của tổ chức hợp tác xã, đã tạo ra khung pháp luật cơ bản phù hợp nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển hợp tác xã. Luật Hợp tác xã năm 2012 cơ bản đã thể chế hóa đầy đủ quan điểm về bản chất tổ chức hợp tác xã đã được đề ra trong Nghị quyết.

Vị trí, vai trò của KTTT dần được khẳng định, nâng cao niềm tin của người dân đối với mô hình hợp tác xã kiểu mới; tăng cường sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với khu vực này. Nhiều mô hình hợp tác xã hoạt động đúng bản chất theo Luật hợp tác xã, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hộ thành viên, góp phần xóa đói giảm nghèo.

3. Về thực hiện một số cơ chế, chính sách

3.1. Về chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

- Hàng năm, huyện được Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Liên minh Hợp tác xã Lâm Đồng mở các khóa đào tạo ngắn hạn với nội dung đào tạo, bồi dưỡng khá đa dạng, đáp ứng được một phần yêu cầu tổ chức, quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã.

- Chính sách về hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã: Từ khi áp dụng Luật hợp tác xã năm 2012 đến nay huyện Đam Rông đã vận động, tư vấn trình tự, thủ tục thành lập và thông tin, kiến thức về KTTT cho các đơn vị; đồng thời cung cấp tài liệu, tư vấn chuẩn bị thành lập nhiều hợp tác xã trên địa bàn huyện.

- Chính sách về hỗ trợ tài chính, tín dụng, quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã: Huyện đã phối hợp với Liên minh hợp tác xã tỉnh tư vấn, hướng dẫn cho HTX xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh (SXKD) hiệu quả để vay vốn từ các tổ chức tín dụng, từ đó giúp các hợp tác xã mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực SXKD như: Trang bị máy móc, phương tiện phục vụ thu hoạch, dịch vụ vật tư nông nghiệp, sản xuất giống, chăn nuôi, ...

3.2. Về chính sách đất đai

- Sau khi Luật Đất đai năm 2003, 2013 cùng với các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành được ban hành, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản, chính sách nhằm đẩy mạnh công tác đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất, sử dụng đất hiệu quả hơn trong sản xuất kinh doanh.

- Bên cạnh những chính sách chung về đất đai, địa phương cũng đã chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức hội nghị, lớp tập huấn tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về đất đai, trình tự, thủ tục xin thuê đất, giao đất và cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất; phối hợp tư vấn, hướng dẫn và giải quyết vấn đề liên quan đến đất đai của các hợp tác xã.

3.3. Về chính sách tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX

Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách để tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho KTTT, hợp tác xã trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng, như: Giảm mặt bằng lãi suất; Quy trình, thủ tục cho vay đơn giản hóa theo hướng tạo điều kiện cho khu vực KTTT mở rộng sản xuất kinh doanh và tiếp cận nguồn vốn tín dụng tại các tổ chức tín dụng.

Có thể nói, nguồn vốn tín dụng ngân hàng đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của hợp tác xã, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho thành viên của hợp tác xã. Dư nợ tín dụng đối với khu vực KTTT trong thời gian qua có xu hướng tăng đặc biệt là sau quá trình chuyển đổi, tổ chức lại hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012. Các hợp tác xã được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh bằng nhiều hình thức.

3.4. Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ

- Hàng năm, Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo UBND huyện phối hợp với các sở, ngành triển khai các hoạt động hỗ trợ KTTT ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ thông qua hoạt động của các hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; hỗ trợ, chuyển giao cho các hợp tác xã nông nghiệp và các tổ chức KTTT về công nghệ sinh học, giống mới, công nghệ chế biến và bảo quản sau thu hoạch, hỗ trợ chuyển đổi cây trồng, vật nuôi; dịch vụ khuyến nông, ... Các hỗ trợ này góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả của sản phẩm và giải quyết việc làm cho người lao động ở nông thôn.

- Một số hợp tác xã sản xuất được hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng các đề tài sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, hướng dẫn đăng ký kiểu dáng, nhãn hiệu hàng hóa, sở hữu công nghiệp, tập huấn xây dựng thương hiệu.

- Mặc dù cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ cơ bản đầy đủ nhưng chưa có chính sách đặc thù đối với hợp tác xã. Các hợp tác xã được thụ hưởng chung giống như các thành phần kinh tế khác nên số lượng hợp tác xã được hưởng chính sách này là rất ít. Nguồn ngân sách hỗ trợ hợp tác xã trong lĩnh vực này còn hạn chế, bên cạnh không ít khó khăn về vốn đầu tư ban đầu, kiến thức cơ bản ... khiến nhiều nông dân lúng túng trong chủ động tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật. Các dự án hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ đều đòi hỏi các hợp tác xã phải có vốn đối ứng trong khi khả năng tài chính của hợp tác xã còn hạn chế nên việc tiếp cận các dự án còn khó khăn.

3.5. Về chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội

Sau khi Luật hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực thi hành, vai trò của hợp tác xã trong công cuộc tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới là rất lớn, Tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, tiêu chí số 13 là xã nông thôn mới phải có hợp tác xã

kiểu mới hoạt động theo Luật hợp tác xã 2012 và có hoạt động liên kết gắn với chuỗi giá trị sản phẩm. Nội dung này đã được UBND huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Nhờ đó, các hợp tác xã được tạo điều kiện thành lập, tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như: giải quyết việc làm, chương trình khuyến nông, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

3.6. Về chính sách thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-TTg, ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020. Qua thời gian triển khai thực hiện Nghị quyết, Luật hợp tác xã, số lượng các hợp tác xã thành lập mới tăng hơn so với giai đoạn trước, các hợp tác xã mới thành lập dần đảm bảo theo đúng bản chất là phục vụ thành viên.

- Để phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, Nhà nước đã có nhiều chính sách ưu đãi thuế đối với hợp tác xã đặc biệt là đối với các hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp với các lĩnh vực được ưu đãi thuế; tập trung ở các sắc thuế: Thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế sử dụng đất nông nghiệp, ...

4. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển KTTT, HTX

Các cấp ủy và tổ chức đảng đã thể hiện vai trò của mình trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, thực hiện Nghị quyết. Các cấp ủy chỉ đạo thường xuyên công tác kiểm tra, sơ kết. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong thời gian qua đã phối hợp khá tốt với chính quyền địa phương và ban hành nhiều nghị quyết về công tác tuyên truyền, vận động phát triển KTTT, vận động nhân dân tự nguyện tham gia phát triển KTTT, tham gia xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo cấp cơ sở xây dựng và phát triển KTTT; Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học cho các mô hình trang trại trẻ, hợp tác xã, tổ hợp tác trong thanh niên; hỗ trợ nghiên cứu sản phẩm mới, hỗ trợ khai thác và sử dụng các nguồn nguyên liệu tại chỗ để sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ tìm đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp... Ngoài ra, hoạt động tuyên truyền đẩy mạnh thông qua các loại hình như: Bản tin, Facebook, báo, đài...

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT

1. Kết quả đạt được

- Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, bằng nhiều giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn huyện theo Luật hợp tác xã, qua đó đã kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi hơn cho hợp tác xã phát triển; hoạt động kinh tế tập thể trên địa bàn huyện tiếp tục duy trì ổn định và có bước phát triển; mô hình hợp tác xã kiểu mới bước đầu phát huy hiệu quả chủ yếu trên lĩnh vực nông

nghiệp, góp phần thúc đẩy kinh tế tập thể ngày càng phát triển, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế của huyện.

- Hoạt động của hợp tác xã đã có nhiều chuyển biến tích cực ngày càng đáp ứng nhu cầu của các thành viên. Các hợp tác xã trên địa bàn huyện đã góp phần nhất định vào sự phát triển của huyện trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt góp phần tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao thu nhập, tạo công ăn việc làm cho kinh tế hộ gia đình.

- Về số lượng: Đến nay, huyện có tổng số 20 hợp tác xã, trong đó có 19 hợp tác xã nông nghiệp và 01 hợp tác xã vận tải, với 194 thành viên. Trong giai đoạn này, số lượng hợp tác xã thành lập mới là 21 hợp tác xã, số hợp tác xã giải thể là 01 hợp tác xã.

- Về hiệu quả hoạt động: Mặc dù khó khăn nhưng hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã những năm gần đây ngày càng ổn định và có xu hướng phát triển. Hiệu quả hoạt động kinh doanh của hợp tác xã tăng lên theo từng năm. Thông qua hợp tác xã, đời sống của thành viên và lao động trong hợp tác xã được tăng lên đáng kể, từng bước cải thiện kinh tế hộ thành viên, góp phần xóa đói, giảm nghèo tại cộng đồng.

Nhìn chung, qua thời gian triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, mặc dù tình hình kinh tế có nhiều biến động, ngân sách hạn hẹp, nhưng khu vực hợp tác xã lại hoạt động khá ổn định. Số lượng hợp tác xã tăng theo từng năm, chất lượng hoạt động được nâng lên. Các hợp tác xã từng bước hoạt động đúng bản chất, ngày càng tập trung hơn vào việc hỗ trợ kinh tế hộ thành viên thông qua cung cấp các dịch vụ hoặc việc làm cho thành viên, nhất là hợp tác xã nông nghiệp. Quy mô, vốn và các lĩnh vực hoạt động của hợp tác xã được mở rộng, nhiều hợp tác xã có quy mô ngày càng phát triển. Một số hợp tác xã có đội ngũ cán bộ tâm huyết, có kinh nghiệm, nhạy bén với cơ chế thị trường, mạnh dạn áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã.

Thông qua hợp tác xã, các hộ thành viên có điều kiện tham gia và được hỗ trợ của Nhà nước, của các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Nhờ đó, thu nhập của người lao động cũng như của thành viên, hộ thành viên được cải thiện, góp phần giải quyết công ăn việc làm, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. Vị trí, vai trò, tầm quan trọng của hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được nâng lên. Xóa dần những mặc cảm do mô hình HTX kiểu cũ để lại, tạo thuận lợi để nhiều hợp tác xã kiểu mới được thành lập.

Trong thời gian gần đây, số lượng hợp tác xã sản xuất theo chuỗi giá trị ngày càng gia tăng, đang dần trở thành phương thức sản xuất phổ biến để phát triển bền vững. Nhiều hợp tác xã liên kết với các siêu thị, doanh nghiệp lớn để mở rộng thị trường tiêu thụ, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh. Một số hợp tác xã đã chủ động nghiên cứu, mở rộng thị trường, không những trong nước mà còn xuất khẩu như hợp tác xã chuỗi Laba Banana Đạ K'Nàng đã có những lô hàng xuất khẩu đi thị trường Nhật Bản.

2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác tuyên truyền, học tập quán triệt Nghị quyết 13-NQ/TW (khóa IX) và các chủ trương về đổi mới kinh tế tập thể ở một số địa phương chưa thường xuyên, thiếu sự phối hợp đồng bộ và sự vào cuộc quyết liệt của các tổ chức đoàn thể. Chưa xem hợp tác xã, LH HTX, THT hiện nay là đòn bẩy thúc đẩy kinh tế hộ nông dân và là đối tác hợp tác hiệu quả của doanh nghiệp khi đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên nhận thức về KTTT còn chung chung, chưa nhận thức đúng vai trò KTTT, hiểu HTX như là một doanh nghiệp thuần túy, đánh giá hiệu quả hợp tác xã chỉ dựa vào kết quả lợi nhuận thu được, không dựa trên quan điểm toàn diện, cả kinh tế - chính trị - xã hội, cả hiệu quả của tập thể và của các thành viên. Từ đó thiếu quyết tâm đưa Nghị quyết 13-NQ/TW đi vào cuộc sống, chưa chịu khó tìm tòi đề ra các biện pháp, giải pháp, cách làm mới để tập trung chỉ đạo củng cố, đổi mới, phát triển KTTT mà nòng cốt là hợp tác xã một cách có hiệu quả.

- Hầu hết các hợp tác xã tổ chức thiếu chặt chẽ nên gặp khó khăn trong giao dịch kinh tế và không đủ điều kiện để hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước; cán bộ hợp tác xã chưa qua đào tạo nên việc thực hiện phát triển sản xuất kinh doanh và góp vốn còn hạn chế, nội dung hoạt động còn đơn điệu, thiếu bền vững.

- Một số hợp tác xã chưa phát huy và khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của địa phương, trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa thể hiện đầy đủ vai trò, vị trí chủ lực của hợp tác xã trong xây dựng phát triển nông nghiệp, nông thôn; năng lực cạnh tranh hạn chế, thu nhập từ kết quả hoạt động của hợp tác xã đem lại cho tập thể và các thành viên tham gia còn thấp. Chưa liên doanh, liên kết các hợp tác xã với nhau để tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp do nông dân làm ra.

- Quy mô hợp tác xã nhỏ, khả năng huy động vốn góp còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh; quản lý tài chính thiếu chặt chẽ, chưa bảo đảm quy định của Nhà nước,.

- Các hợp tác xã chưa xây dựng được chiến lược sản xuất kinh doanh dịch vụ theo hướng tổng hợp đa ngành, đa nghề mà chủ yếu đang tập trung thực hiện một số dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Chưa xây dựng được mô hình kinh tế có giá trị cao, chưa xác định được mô hình cụ thể phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; một số mô hình có hiệu quả nhưng chậm nhân rộng.

- Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã chưa đáp ứng yêu cầu, chưa năng động trong kinh doanh dịch vụ, chủ yếu là thực hiện các dịch vụ phục vụ; chưa xây dựng chính sách để thu hút con em địa phương đã được đào tạo tại các trường về làm việc tại các hợp tác xã.

- Hoạt động của nhiều hợp tác xã còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu về sản xuất, đời sống của các thành viên và cộng đồng; các hợp tác xã còn thiếu gắn bó với nhau, chưa có sự liên kết hệ thống cả về kinh tế, xã hội và tổ chức.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển KTTT trong những năm qua, với bối cảnh huyện thuộc vùng đặc biệt khó khăn, cơ sở hạ tầng nghèo nàn, tình hình thời tiết bất thường, cực đoan đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất nông nghiệp của huyện. Chính sách hỗ trợ ưu đãi còn chưa phù hợp đối với hợp tác xã, cần cụ thể rõ hơn; thực tế bố trí nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước đối với kinh tế hợp tác xã rất thiếu, hạn chế, cần hỗ trợ nhiều hơn rất nhiều so với các loại hình doanh nghiệp khác.

- Việc thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về KTTT còn hạn chế. Quy mô hợp tác xã nhỏ, trình độ công nghệ lạc hậu, khả năng quản trị yếu, việc tiếp cận các nguồn vốn, tạo mặt bằng, tích tụ đất sản xuất gặp nhiều khó khăn; chưa tạo được mối liên kết trong nội khối và với các doanh nghiệp lớn trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Nguồn kinh phí khuyến công, khuyến nông và xúc tiến thương mại còn hạn chế, dẫn đến các hợp tác xã được thụ hưởng còn ít.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, Cần chú trọng công tác giáo dục, đào tạo, tuyên truyền tổng kết thực tiễn, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong các ngành, lĩnh vực để nhận thức rõ tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc phát triển KTTT trong cơ chế thị trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Gắn mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTTT, hợp tác xã với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển hợp tác xã gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Hai là, Vai trò, ý thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đặc biệt là người đứng đầu, sự phối hợp của các tổ chức đoàn thể là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển KTTT. Ở đâu các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, coi nhiệm vụ lãnh đạo phát triển KTTT là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và có sự vào cuộc tích cực của các tổ chức đoàn thể, thì nơi đó KTTT có sự chuyển biến rõ nét và ngược lại.

Ba là, Phát triển KTTT phải bám sát các quan điểm chỉ đạo được thể hiện trong Nghị quyết, vận dụng sáng tạo trong thực tế, phù hợp với tình hình, đặc điểm và điều kiện cụ thể của địa phương; phải tôn trọng giá trị, nguyên tắc hoạt động của tổ chức KTTT, hợp tác xã mang tính phổ biến và phù hợp với điều kiện tại địa phương; bảo đảm tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự vươn lên của tổ chức KTTT, hợp tác xã, phát huy vai trò làm chủ thực sự của xã viên, gắn bó chặt chẽ giữa quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên trong hợp tác xã.

Bốn là, Bộ máy quản lý nhà nước cần được quan tâm củng cố. Cán bộ quản lý nhà nước cần được bồi dưỡng, đào tạo, cập nhật thường xuyên các kiến thức, kinh nghiệm quản lý hợp tác xã trong và ngoài nước, đảm bảo có trình độ năng lực, có khả năng tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong công tác định hướng, phát triển KTTT, hợp tác xã kiểu mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Năm là, Đối với các hợp tác xã cần đảm bảo hài hòa lợi ích của các thành viên. Phát huy tiềm năng, nội lực, nhất là vai trò người đứng đầu hợp tác xã. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ của hợp tác xã với các phương thức đào tạo khác

nhau (ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, trong nước, nước ngoài) để nâng cao năng lực cán bộ hợp tác xã, từng bước nâng cao chất lượng của bộ máy điều hành của hợp tác xã, đáp ứng nhu cầu trong tình hình mới.

Phần thứ III

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN MỚI

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC, KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

1. Bối cảnh trong nước

- Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng lớn nhất của biến đổi khí hậu; các nguồn tài nguyên ngày càng suy giảm; thiên tai, dịch bệnh ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Các HTX có nhiều cơ hội được học hỏi, cọ sát và nâng cao năng lực; tiếp nhận công nghệ sản xuất và công nghệ quản lý mới. Thu hút đầu tư nước ngoài, nhất là từ các đối tác lớn, có công nghệ nguồn. Mở rộng xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu nông sản và nông sản chế biến. Hội nhập cũng tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, từ đó nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế nhất là vị thế trong khu vực.

- Cạnh tranh hàng hóa sẽ diễn ra rất gay gắt kể cả sản phẩm nội địa và đặc biệt là sự xâm lấn của thị trường nước ngoài sau khi các hàng rào thuế quan dần được xóa bỏ theo các thỏa thuận thương mại quốc tế mà Việt Nam tham gia. Những thuận lợi của thời kỳ “*cơ cấu dân số vàng*” có thể sẽ không còn duy trì được lâu, kết hợp với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 dẫn tới lợi thế lao động rẻ sẽ không còn; lợi thế tài nguyên cũng đang giảm dần, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo là thách thức lớn thay thế nguồn lao động dồi dào trong xã hội, hàng triệu lao động có thể mất và phải chuyển đổi việc làm. Hiện nay, sản phẩm nông nghiệp vẫn sản xuất nhỏ lẻ nên khâu kiểm soát sau thu hoạch còn yếu, thông tin về thị trường không cập nhật, không đáp ứng các tiêu chuẩn để xuất khẩu đi nước ngoài.

2. Bối cảnh thế giới

- Tình hình kinh tế thế giới đang gặp phải khó khăn do đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, các nền kinh tế phát triển đang có dấu hiệu phục hồi để tăng trưởng. Trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa và cạnh tranh gay gắt, xu hướng chung của thế giới hướng đến sử dụng hàng hóa an toàn, có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng cao, đặc biệt là hàng nông sản hữu cơ, đòi hỏi các HTX phải thích ứng với thị trường bằng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn.

- Thương mại điện tử được xem như một trong những giải pháp hiệu quả, bền vững để các HTX nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường cũng như tham gia vào các hoạt động kinh tế trước cách mạng công nghiệp 4.0.

- Biến đổi khí hậu và hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội đồng thời cũng là thách thức lớn cho các thành phần kinh tế trong đó có HTX, đòi hỏi các HTX phải năng động, sáng tạo, nắm bắt thông tin, tiếp cận khoa học, công nghệ tiên tiến để áp dụng vào sản xuất, phù hợp với thực tế Việt Nam.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Quan điểm

- Phát triển các hình thức KTTT đa dạng phù hợp với trình độ phát triển các ngành nghề trên địa bàn huyện. Cùng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác xã trong việc cung cấp sản phẩm dịch vụ cho thành viên, áp dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh của hợp tác xã và KTTT. Khuyến khích liên doanh, liên kết giữa các hợp tác xã với nhau và giữa các hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác để thực hiện tốt các dịch vụ đầu vào, đầu ra; huy động cổ phần và nguồn vốn của thành viên, không ngừng tăng vốn đầu tư phát triển hợp tác xã.

- Phát triển KTTT gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp; tăng cường phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, kinh tế tổ hợp tác trên các lĩnh vực. Phát huy dân chủ cơ sở, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát. Xây dựng hợp tác xã theo nguyên tắc tự nguyện, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi giữa các thành viên.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu trong thời gian tới

- Tập trung củng cố, đổi mới hoạt động các hợp tác xã theo Luật hợp tác xã năm 2012; vận động thành lập mới ít nhất 02 hợp tác xã ở mỗi xã; phát triển đa dạng các tổ hợp tác trên các lĩnh vực (có đăng ký chứng thực).

- 100% cán bộ hợp tác xã được đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kiến thức quản lý và nghiệp vụ chuyên môn. Nâng tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã đạt trình độ trung cấp trở lên đạt trên 30%.

- Vận động thành lập mới các hợp tác xã trên các lĩnh vực có lợi thế như: Sản xuất rau an toàn - công nghệ cao, sản phẩm OCOP, nuôi cá nước lạnh.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các hợp tác xã thực hiện liên doanh, liên kết, tiến tới thành lập Liên hợp tác xã; nghiên cứu, khuyến khích việc sáp nhập hoặc hợp nhất một số hợp tác xã nông nghiệp có quy mô nhỏ thành hợp tác xã có quy mô lớn hơn để nâng cao năng lực kinh doanh dịch vụ và cạnh tranh trên thị trường, từng bước thành lập Liên hiệp hợp tác xã.

- Nâng tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã có trình độ trung cấp trở lên đạt 20-30%, riêng kế toán trưởng có trình độ trung cấp kế toán trở lên đạt 30-50%.

3. Nhiệm vụ phát triển kinh tế tập thể

3.1. Tăng cường củng cố các hợp tác xã hiện có

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý hợp tác xã, tư vấn hướng dẫn giúp các hợp tác xã nâng cao năng lực hoạt động theo Luật hợp tác xã. Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ, đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ hợp tác xã.

- Huy động nguồn vốn cổ phần, tạo điều kiện thuận lợi tiếp cận vốn vay để hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, chú trọng việc xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, mở rộng và phát triển các dịch vụ, ngành nghề mới, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật trang thiết bị, tạo năng lực sản xuất, kinh doanh mới, có sức cạnh tranh, tạo điều kiện để hợp tác xã tham gia đóng góp tích cực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động hỗ trợ kinh tế hộ phát triển.

3.2. Phát triển kinh tế tập thể trên các lĩnh vực

- Đẩy mạnh xây dựng, củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả mô hình Tổ hợp tác, phát triển đa dạng về loại hình hoạt động với nhiều quy mô, thích ứng với nền kinh tế thị trường. Hướng dẫn, hỗ trợ các Tổ hợp tác chuyển đổi thành HTX kiểu mới, hoặc Tổ hợp tác chuyên sâu; vận động các Tổ hợp tác hiện có đăng ký chứng thực với chính quyền.

- Vận động thành lập các hợp tác xã kiểu mới ở trên tất cả các lĩnh vực, chú trọng nghiên cứu, vận động thành lập hợp tác xã trên các lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, thương mại, tín dụng.

3.3. Phát triển kinh tế tập thể theo ngành

- Về hợp tác xã nông nghiệp: Có định hướng thành lập hợp tác xã có quy mô lớn, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tổng hợp, mở rộng các dịch vụ mang tính chất kinh doanh, giảm chi phí thu trên đầu vào. Nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đối với các hợp tác xã hiện có, bổ sung thêm dịch vụ mới, đa dạng ngành nghề, thu hút lao động, tăng thu nhập cho thành viên và hợp tác xã; hợp tác xã cần phải nhanh chóng chuyển hóa mạnh mẽ trong nông nghiệp để có sản phẩm đủ sức cạnh tranh trên thị trường và từng bước hạ thấp tỷ lệ lao động trực tiếp.

- Về hợp tác xã phi nông nghiệp: Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã vận tải, vận động kết nạp thêm thành viên, mở luồng tuyến mới, cung cấp các dịch vụ cần thiết cho thành viên, tạo điều kiện vay vốn để đầu tư, mua sắm phương tiện có chất lượng cao, cạnh tranh được trên thị trường. Đầu tư dịch vụ sửa chữa ô tô, cung cấp các phụ tùng, máy móc, thiết bị, xây dựng cửa hàng xăng dầu để phục vụ nhu cầu của thành viên,...

4. Một số giải pháp chủ yếu

4.1. Tổ chức tuyên truyền, học tập quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế hợp tác, hợp tác xã

Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước về kinh tế hợp tác, hợp tác xã; tổ chức hội nghị, tập huấn, cuộc thi, hội thảo

Luật hợp tác xã năm 2012, Quyết định 416/QĐ-TTg, ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

4.2. Tổ chức rà soát, khảo sát, đánh giá hiện trạng các HTX trên địa bàn

Tập trung, củng cố các hợp tác xã yếu kém, hoàn tất việc giải thể các hợp tác xã ngưng hoạt động, tăng cường hỗ trợ các hợp tác xã đang hoạt động, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện về vốn, tăng sức cạnh tranh thị trường, quan tâm thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác mới đối với những nơi có đủ điều kiện nhằm bảo đảm phát triển bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

4.3. Công tác quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể

Tiếp tục chỉ đạo UBND huyện, các cơ quan, ban, ngành của huyện, Đảng bộ, chính quyền các xã tập trung các nguồn lực, thực hiện tốt, có hiệu quả các chủ trương, cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho KTTT phát triển và thụ hưởng các chính sách của Nhà nước.

4.4. Xây dựng và phát triển các mô hình liên kết gắn với sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản thông qua các hợp đồng kinh tế trên địa bàn huyện

Kết hợp với Liên minh hợp tác xã, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng để tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, địa bàn, thị trường để thu hút doanh nghiệp, các nhà đầu tư, các cơ quan quản lý, ngân hàng, ... cùng với nông dân tham gia xây dựng chuỗi giá trị trong mô hình liên kết.

4.5. Huy động các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp

Tranh thủ các chính sách cho vay vốn, tài trợ, hỗ trợ nguồn lực về tài chính và cơ sở vật chất của các nhà tài trợ, các nguồn tài chính hợp pháp khác, đặc biệt là nguồn lực đầu tư của các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tạo điều kiện hỗ trợ hợp tác xã và các tổ chức đại diện của nông dân tham gia vào các chương trình, dự án sản xuất kinh doanh và đầu tư bằng nhiều hình thức trong nông nghiệp ở các lĩnh vực như xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất nông nghiệp.

4.6. Thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển kinh tế tập thể

Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với KTTT về thuế, tín dụng, đất đai, ... tạo điều kiện cho các hợp tác xã tham gia vào các chương trình quốc gia về lao động, việc làm, xóa đói giảm nghèo, phát triển nông thôn, bảo vệ môi trường, giải quyết các vấn đề xã hội, hoạt động khuyến nông, khuyến công, xúc tiến thương mại, ... nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Phần thứ IV ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị UBND tỉnh có chính sách để xúc tiến cho các hợp tác xã được liên doanh, liên kết với các tổ chức, các doanh nghiệp và các đơn vị hợp tác xã trong và ngoài tỉnh nhằm giúp hợp tác xã có điều kiện hợp tác phát triển kinh tế.

2. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Khoa học và công nghệ, Sở Công thương hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện như: Sầu riêng, dứa....

Trên đây là báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn huyện Đam Rông.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng,
- TT HU, HĐND, UBND huyện,
- Các TCCSĐ trực thuộc Huyện ủy,
- Các đ/c Ủy viên BTV Huyện ủy,
- Lưu: VPHU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Nguyễn Văn Lộc